

Số: 17676 /BTC-KBNN

*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2017*

V/v hướng dẫn công tác khóa sổ kế  
toán niên độ 2017 trên TABMIS

Kính gửi:

- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước.

Căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan (theo danh mục tại Phụ lục 01 đính kèm); căn cứ vào chế độ quản lý ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về công tác khóa sổ kế toán ngân sách nhà nước (NSNN) niên độ 2017 trên hệ thống TABMIS như sau:

## **I. Đối chiếu số liệu phục vụ khóa sổ kế toán 2017**

### **1. Đối với cơ quan tài chính**

1.1. Kiểm tra, rà soát toàn bộ dự toán cấp 0, dự toán của các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc trách nhiệm cơ quan tài chính (CQTC) nhập, đảm bảo số liệu khớp đúng với quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị vào TABMIS (bao gồm dự toán giao đầu năm, dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu, dự phòng và dự toán chi ngân sách cho các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm; dự toán điều chỉnh trong năm; dự toán tạm ứng; dự toán ứng trước ngân sách năm sau; nguồn dự toán năm trước chuyển sang. Phối hợp với các đơn vị dự toán kiểm tra, rà soát dự toán cấp trung gian của các đơn vị (cấp 1, 2, 3) thuộc ngân sách trung ương, tỉnh, huyện với số liệu trên hệ thống TABMIS (nếu có).

1.2. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước (KBNN) đồng cấp, kiểm tra, đối chiếu về các nội dung sau:

- Số liệu chi ngân sách nhà nước bằng Lệnh chi tiền (bao gồm chi bằng Lệnh chi tiền kiểm soát dự toán, tạm ứng, ứng trước không kiểm soát dự toán - Phòng/bộ phận kế toán thực hiện).

- Số dự toán chi chuyển giao chi tiết số đã giao, số đã rút dự toán, số dự toán còn lại (Phòng/bộ phận kế toán thực hiện), bao gồm:

- + Dự toán chi chuyển giao trong năm

+ Dự toán chi chuyển giao ứng trước

+ Dự toán chi chuyển giao tạm ứng cho ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên (chi tiết mã nguồn 27, loại dự toán 11, tài khoản dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng dự toán giao trong năm - nếu có).

+ Dự toán chi chuyển giao thường xuyên, đầu tư XDCB ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm (nếu có).

+ Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn vốn viện trợ giao trong năm (nếu có).

+ Dự toán chi chuyển giao từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giao cho địa phương thực hiện (nếu có).

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ dự toán đối với ngân sách xã, trong trường hợp CQTC tổ chức nhập dự toán (phòng/bộ phận Kiểm soát chi thực hiện);

- Kiểm tra, đối chiếu về số dư nợ vay của ngân sách địa phương, xử lý kịp thời những chênh lệch (nếu có);

- Điều chỉnh, hủy bỏ doanh số, số dư các tài khoản dự toán có phát sinh số dư thực trên hệ thống TABMIS (phòng/bộ phận Kế toán và Kiểm soát chi).

1.3. Phối hợp với các đơn vị liên quan (cơ quan, đơn vị, bộ phận Kiểm soát chi - KBNN đồng cấp) xử lý các tài khoản tạm thu, tạm giữ theo quy định.

1.4. Phối hợp với các đơn vị sử dụng ngân sách, KBNN đồng cấp để phân tích nội dung các khoản phải nộp NSNN đối với số dư tài khoản tiền gửi không sử dụng tiếp phải nộp lại ngân sách nhà nước theo MLNS. Đơn đốc đơn vị sử dụng ngân sách gửi báo cáo chi tiết số dư theo Mục lục ngân sách nhà nước đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch trước ngày 10/02/2018 để phối hợp thực hiện nộp lại ngân sách và hạch toán giảm chi hoặc giảm tạm ứng ngân sách;

1.5. Kiểm tra, đối chiếu với Kho bạc Nhà nước (KBNN) đồng cấp (Phòng/bộ phận kế toán) về số liệu tạm ứng ngân quỹ nhà nước, số tạm ứng quỹ dự trữ tài chính; tính toán chính xác số phải thu, số đã thu và số còn phải thu về phí tạm ứng ngân quỹ nhà nước (bao gồm phí trong hạn và phí quá hạn – nếu có); Xử lý kịp thời các khoản tạm vay, tạm ứng chi chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước đúng thời hạn quy định.

1.6. Kiểm tra, rà soát và xử lý các giao dịch dở dang về lệnh chi tiền và dự toán trên hệ thống TABMIS đảm bảo số liệu chính xác phục vụ công tác đối chiếu với KBNN khi thực hiện khóa sổ kế toán niên độ năm 2017 (theo hướng dẫn Công văn số 16864/BTC-KBNN ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính về việc

tăng cường rà soát, xử lý giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS phục vụ cho công tác khóa sổ quyết toán cuối năm 2016).

## **2. Đối với các đơn vị KBNN**

2.1. Thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu 12 tháng (từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/12/2017). Trong thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước (từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/01/2018), các nội dung công việc thực hiện tương tự các công việc theo hướng dẫn tại Công văn số 5725/KBNN-KTNN ngày 30/11/2017 của Kho bạc Nhà nước về việc rà soát, đối chiếu số liệu 11 tháng, chuẩn bị khóa sổ quyết toán năm 2017.

Trong đó, số liệu ghi thu, ghi chi vốn vay ODA với các chủ dự án được thực hiện đối chiếu như việc đối chiếu dự toán kinh phí và tình hình sử dụng kinh phí ngân sách tại KBNN theo đúng quy định tại Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc, Quyết định số 4377/QĐ-KBNN ngày 15/9/2017 của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước về việc ban hành Quy trình nghiệp vụ thống nhất đầu mối kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Sau khi khoá sổ kế toán tháng 12/2017 và tháng 01/2018, các đơn vị KBNN thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu hạch toán ngân sách niên độ 2017, đảm bảo khớp đúng giữa số liệu chi tiết với số liệu tổng hợp, số liệu của các báo cáo theo quy định.

2.2. Phối hợp CQTC xác định số tạm ứng chi chuyển giao từ NS cấp trên cho NS cấp dưới cho nhiệm vụ chi thường xuyên, căn cứ đề nghị CQTC đồng cấp, KBNN thực hiện điều chỉnh số chi và dự toán từ dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng dự toán ứng trước sang tài khoản chi và dự toán từ dự toán chi chuyển giao ngân sách giao trong năm với tính chất nguồn 27 (dự toán tạm ứng).

2.3. Trong thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách các cấp (từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/01/2018), thực hiện:

- Hạch toán các khoản thu, chi ngân sách nhà nước phát sinh từ ngày 31/12/2017 trở về trước nhưng chứng từ đang luân chuyển;
- Hạch toán tạm ứng đối với vốn bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
- Hạch toán chi ngân sách các khoản tạm ứng đã đủ thủ tục thanh toán;
- Hạch toán các khoản ghi thu, ghi chi từ vốn ODA và vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài thuộc kế hoạch năm 2017; vốn viện trợ không hoàn lại

theo lệnh ghi thu, ghi chi của cơ quan tài chính;

- Đối chiếu và điều chỉnh những sai sót trong quá trình hạch toán kế toán.

2.4. Kiểm tra, rà soát và xử lý các giao dịch dở dang về lệnh chi tiền và dự toán trên hệ thống TABMIS, xử lý hết số dư dự toán của các tài khoản dự toán phân bổ các cấp trung gian (cấp 1,2,3), đảm bảo số liệu chính xác phục vụ công tác khóa sổ quyết toán cuối năm 2017 (theo hướng dẫn Công văn số 16864/BTC-KBNN ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính về việc tăng cường rà soát, xử lý giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS phục vụ cho công tác khóa sổ quyết toán cuối năm 2016).

2.5. KBNN các tỉnh, thành phố báo cáo tiến độ thu NSNN khi yêu cầu (số thực thu vào NSNN qua KBNN) cho các Đồng chí Lãnh đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để các Đồng chí Lãnh đạo nắm bắt kịp thời tiến độ các khoản thu đã nộp vào NSNN, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ tài chính, ngân sách trên địa bàn.

## **II. Một số nội dung về việc vận hành TABMIS**

Triển khai thực hiện Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước, có hiệu lực từ năm ngân sách 2018, từ ngày 20/12/2017, Bộ Tài chính đã thiết lập thêm một hệ thống TABMIS theo mục lục NSNN mới (TABMIS2018) vận hành song song với hệ thống TABMIS theo hệ thống mục lục NSNN cũ (TABMIS2017). Do vậy, việc vận hành TABMIS cần lưu ý một số nội dung tổng thể sau:

### **1. Đối với cơ quan tài chính**

- Các nghiệp vụ liên quan đến niên độ ngân sách 2018 trở đi như: Nhập dự toán, phân bổ dự toán, giao dịch thu, chi ngân sách phải được nhập trên hệ thống TABMIS2018.

- Các nghiệp vụ điều chỉnh dự toán, bổ sung dự toán, lệnh chi tiền phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán thuộc niên độ 2017 trở về trước thực hiện nhập trên TABMIS 2017.

- Việc xử lý số liệu chuyển nguồn dự toán năm 2017 sang năm 2018 được thực hiện xử lý đồng thời cả trên TABMIS2017 và TABMIS2018, đảm bảo trên TABMIS2018 sử dụng các tổ hợp mã mục lục NSNN mới tương ứng với dự toán trên TABMIS2017 được chuyển sang.

Số dư dự toán còn lại do cơ quan tài chính quản lý (trừ dự toán đơn vị cấp 4) được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển nguồn sang năm 2018 thực hiện

như sau:

+ Trên TABMIS2017, tại kỳ 13- năm trước (màn hình ngân sách – BA) cơ quan tài chính điều chỉnh hủy dự toán (loại dự toán 04):

Nợ TK 9631 (Dự toán bị hủy)

Có TK 92xx,... (Dự toán phân bổ cấp 0,...)

+ Trên TANMIS2018, kỳ hiện tại (BA), cơ quan tài chính nhập dự toán được chuyển từ năm 2017 sang 2018 (loại dự toán 06):

Nợ TK 92xx,... (Dự toán phân bổ cấp 0,...)

Có TK 9111 (Nguồn dự toán giao trong năm)

## 2. Đối với cơ quan KBNN

- Các giao dịch thu, chi NSNN thuộc niên độ ngân sách năm 2018 được hạch toán xử lý trên TABMIS2018; các giao dịch thu, chi NSNN thuộc niên độ NS năm 2017 được hạch toán xử lý trên TABMIS2017

- Đầu ngày 01/01/2018, KBNN thực hiện công tác chuyển đổi số liệu để mang số dư các tài khoản năm 2017 từ TABMIS2017 sang TABMIS2018;

- Trong thời gian chính lý quyết toán, thực hiện xử lý các giao dịch thu, chi NSNN thuộc niên độ ngân sách 2017 trở về trước trên TABMIS 2017. Việc hạch toán, xử lý số liệu thực hiện theo Công văn số 16864/BTC-KBNN ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính về việc tăng cường rà soát, xử lý giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS phục vụ công tác khóa sổ quyết toán cuối năm 2016.

## **III. Một số nội dung về công tác khóa sổ và kế toán ngân sách nhà nước năm 2017**

### **1. Chuyển số dư sang đầu năm sau trên TABMIS**

- Thời điểm hết ngày 31/12/2017, các đơn vị KBNN thực hiện chạy chương trình “Tính toán cân đối thu chi cho năm ngân sách” cho từng cấp ngân sách, số chênh lệch thu, chi của từng cấp ngân sách, riêng đối với ngân sách cấp xã theo từng địa bàn chỉ được phản ánh trên Tài khoản 5511 - Cân đối thu chi. Sau khi chạy chương trình “Tính toán cân đối thu chi cho năm ngân sách”, hệ thống tự động xác định chênh lệch thu chi và hạch toán bút toán cân đối thu chi.

- Sau ngày 31/12/2017, được hệ thống tự động chuyển số dư các tài khoản sang ngày 01/01/2018 và được thực hiện chuyển đổi số dư từ TABMIS2017 sang TABMIS2018, cụ thể như sau:

+ Số dư của các tài khoản loại 1 sẽ được chuyển sang năm sau, chi tiết

theo tài khoản tương ứng (trong đó số dư của các tài khoản tạm ứng, ứng trước (loại 1) chuyển sang năm sau theo quy trình chuyển nguồn).

+ Số dư của các tài khoản loại 2, loại 3, loại 5 sẽ được chuyển sang năm sau, chi tiết theo tài khoản tương ứng.

+ Số dư của tài khoản loại 7, loại 8 không được chuyển sang năm sau (không có số dư vào đầu năm sau).

+ Số dư của tài khoản dự toán (loại 9) được chuyển sang năm sau theo chương trình chuyển nguồn.

+ Số dư của tài khoản (loại 9 - nhóm 99) - “Tài sản không trong cân đối tài khoản” được chuyển sang năm sau, chi tiết theo tài khoản tương ứng.

- Tổ chức đối chiếu đảm bảo khớp đúng theo từng tài khoản chi tiết và tổng số số dư Nợ, dư Có cuối ngày 31/12/2017 với từng tài khoản chi tiết và tổng số số dư Nợ, dư Có đầu ngày 01/01/2018; nếu chênh lệch phải tìm rõ nguyên nhân để xử lý. Đặc biệt lưu ý số dư của tài khoản 5511 phải bằng đúng với chênh lệch thực thu, thực chi của năm 2017 theo từng cấp ngân sách, trường hợp sau thời điểm 31/12/2017, nếu có phát sinh thực thu, thực chi ngân sách các cấp, lưu ý cuối hàng ngày thực hiện việc chạy lại chương trình tính toán cân đối thu, chi theo từng cấp ngân sách (lưu ý: chỉ hạch toán bút toán thủ công trên tài khoản 5511 khi xử lý kết dư ngân sách).

## **2. Khóa sổ thanh toán tại các đơn vị KBNN**

2.1. Đối với hệ thống Thanh toán song phương điện tử và phối hợp thu giữa KBNN và Ngân hàng thương mại.

Các đơn vị KBNN thực hiện Thanh toán song phương điện tử và Phối hợp thu với NHTM phải đảm bảo các giao dịch thanh toán phát sinh được truyền nhận đầy đủ, kịp thời, công tác đối chiếu quyết toán cuối ngày thực hiện đúng qui trình và hoàn thành ngay trong ngày, các lệnh thanh toán, quyết toán được hạch toán kế toán đầy đủ, khớp đúng.

Từ ngày 25,26,27,28/12/2017: Giờ “cut off time” là 19h30 phút và giờ đối chiếu giữa KBNN và NHTM là 19h45 phút. Ngày 29,30,31/12/2017 Giờ “cut off time” là 20h00 phút và giờ đối chiếu giữa KBNN và NHTM là 20h15 phút.

Các trường hợp sai sót, chênh lệch KBNN phối hợp với NHTM cùng xử lý dứt điểm ngay trong ngày 31/12/2017 đảm bảo số liệu kế toán, thanh toán của KBNN và số liệu trên sổ chi tiết của NHTM khớp đúng.

Trường hợp có quy định khác về thời gian giao dịch các ngày cuối năm, Bộ Tài chính (KBNN) sẽ có thông báo sau.

Các đơn vị KBNN có nhu cầu kéo dài giờ “cut off time” để đảm bảo giao dịch thanh toán cần thống nhất với chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản và báo về KBNN (Phòng thanh toán - Cục Kế toán Nhà nước) trước thời điểm “cut off time” chậm nhất là 30 phút.

Đối với các đơn vị KBNN có quan hệ Thanh toán song phương qua tài khoản thanh toán với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NHNN và PTNT): trường hợp tại một thời điểm số phát sinh chi lớn hơn số dư tài khoản. Đơn vị KBNN phải chủ động việc đề nghị quyết toán thấu chi và được thực hiện trước giờ “cut off time” để NHNN và PTNT có đủ số dư trích chuyển và kịp thời gian thanh toán trong trường hợp chuyển tiếp đến ngân hàng khác

Việc xử lý đối chiếu trên ứng dụng thanh toán song phương điện tử và phối hợp thu, hạch toán kết quả quyết toán thu, quyết toán chi cuối ngày do NHTM nơi đơn vị KBNN mở tài khoản được thực hiện ngay trong ngày 31/12/2017. Các đơn vị KBNN chủ động thực hiện tất toán tài khoản thu hộ, chi hộ TTSPĐT năm 2017 về Cục KTNN qua Hệ thống TABMIS LKB chậm nhất trước 14 h00 ngày 01/01/2018, để kịp thời gian cho việc chuyển đổi số liệu đáp ứng mục lục ngân sách năm 2018.

Việc thanh toán lãi và phí chuyển tiền qua tài khoản thanh toán tổng hợp, Tài khoản thanh toán, chuyển thu của tháng 12/2017 được thực hiện theo định kỳ hàng tháng đối với từng hệ thống NHTM. Trường hợp ngân hàng không tính lãi và phí thanh toán đến hết ngày 31/12/2017 thì lãi và phí chuyển tiền của các ngày còn lại của tháng 12/2017 được thanh toán và hạch toán kế toán theo định kỳ của tháng 01/2018.

## 2.2. Đối với hệ thống Thanh toán điện tử Liên ngân hàng (TTLNH)

- Thời điểm các đơn vị ngừng gửi Lệnh thanh toán và thời điểm thực hiện đối chiếu Thanh toán điện tử Liên ngân hàng cuối ngày do Ngân hàng Nhà nước quy định, cụ thể:

Ngày	Thời điểm Hệ thống ngừng nhận lệnh thanh toán		Thời điểm hoàn thành xử lý công việc (dự kiến)
	Giá trị thấp	Giá trị cao	
25,26,27,28/12/2017	18 giờ 00	19 giờ 00	23 giờ 00

29,30,31/12/2017	18 giờ 30	19 giờ 30	24 giờ 00
01/01/2018	Xử lý các công việc nội bộ của hệ thống		
Từ 02/01/2018	Bắt đầu thực hiện thanh toán cho năm 2018		

Các đơn vị KBNN phải đảm bảo chủ động xử lý kịp thời các giao dịch thanh toán đi, đến theo giờ quy định trên

- Việc xử lý đối chiếu TT LNH trên ứng dụng CITAD, đối chiếu nội bộ trong hệ thống KBNN trên Chương trình Giao diện, hạch toán kết quả quyết toán cuối ngày do Ngân hàng Nhà nước gửi phải được thực hiện ngay trong từng ngày cuối năm và ngày 31/12/2017, đảm bảo các phát sinh thực tế hạch toán trên TABMIS tại đơn vị KBNN phải khớp đúng số món, số tiền với các dữ liệu phát sinh trên CITAD trên bảng kê số 18 (đối chiếu chuyển tiền đi) và bảng kê 19 (đối chiếu chuyển tiền đến), các trường hợp chênh lệch phải kịp thời thông báo tới KBNN (Cục Kế toán Nhà nước, Cục CNTT) và Cục CNTT NHNN để cùng phối hợp xử lý.

Các đơn vị KBNN chủ động thực hiện tất toán tài khoản thu hộ, chi hộ TT LNH về Cục KTNN qua Hệ thống TABMIS LKB chậm nhất trước 14h00 ngày 01/01/2018, để kịp thời gian cho việc chuyển đổi số liệu đáp ứng mục lục ngân sách năm 2018.

### 2.3. Khóa số Thanh toán điện tử Hệ thống TABMIS LKB

Vào các ngày cuối năm, Các đơn vị KBNN phải chủ động trong việc truyền nhận lệnh thanh toán đúng thời gian qui định, đảm bảo các Lệnh thanh toán đến KB B được ký duyệt và giao diện đầy đủ kịp thời vào TCS và TABMIS. Đầu giờ làm việc ngày hôm sau các đơn vị KBNN chạy Báo cáo B7-08 KB/TABMIS chọn “ALL” cho các tham số (loại tiền, kênh thanh toán, trạng thái, loại lệnh thanh toán), tham số “nhân viên” để trống; thực hiện kiểm tra và hoàn thiện tiếp Lệnh thanh toán đến của ngày hôm trước (nếu có) theo đúng qui định. Riêng ngày 31/12/2017 các Lệnh thanh toán đến KB B phải được ký duyệt hết và giao diện đầy đủ kịp thời vào TCS và TABMIS ngay trong ngày.

Từ ngày 25,26,27,28/12/2017: Giờ “cut off time” là 20h00 phút, ngày 29,30,31/12/2017 Giờ “cut off time” là 21h00. Trường hợp đơn vị KBNN có nhu cầu kéo dài giờ “cut off time” chủ động báo về KBNN (Phòng thanh toán - Cục Kế toán Nhà nước) trước thời điểm “cut off time” chậm nhất là 30 phút để kịp thời xử lý trên hệ thống.

- Cuối ngày 31/12/2017, các KBNN tỉnh kiểm tra, đối chiếu đảm bảo khớp đúng số liệu kế toán, thanh toán LKB đi, đến trên địa bàn và gửi báo cáo đối chiếu số liệu thanh toán - Kế toán Liên Kho Bạc mẫu số B7-



10a/KB/TABMIS (đối với địa bàn tỉnh chỉ phát sinh loại tiền VNĐ), mẫu số B7-10b/KB/TABMIS (đối với địa bàn tỉnh phát sinh cả loại tiền VNĐ và ngoại tệ) về Cục Kế toán Nhà nước – KBNN trước ngày 15/01/2018, đồng thời gửi bản File về địa chỉ email: Phongthanhtoandientu@vst.gov.vn.

+ Tại các trung tâm thanh toán tỉnh, số dư tài khoản liên kho bạc đi nội tỉnh (TK 3851) phải bằng số dư tài khoản liên kho bạc đến nội tỉnh (TK 3854) trên toàn địa bàn.

+ Tại trung tâm thanh toán toàn quốc, số dư tài khoản liên kho bạc đi ngoại tỉnh (TK 3861) phải bằng số dư tài khoản liên kho bạc đến ngoại tỉnh (TK 3864) trên toàn quốc.

- Việc kéo dài thời gian thanh toán ngày 31/12/2017 trên TABMIS LKB để xử lý sai sót và thực hiện chuyển số thu hộ, chi hộ TTSPĐT, TT LNH năm 2017 về Cục KTNN chỉ kéo dài đến trước 14h00 ngày 01/01/2018, do vậy, các đơn vị KBNN tỉnh, huyện phải chủ động kiểm soát số liệu thu hộ, chi hộ, khẩn trương chuyển về Cục KTNN, thực hiện thao tác trên hệ thống đúng qui trình, tránh việc phải xử lý điều chỉnh sai sót, nhầm lẫn...

- Thời gian bắt đầu thực hiện thanh toán điện tử TABMIS LKB của năm 2018 là 08h00 ngày 02/01/2018.

### **3. Trách nhiệm thực hiện công tác khóa sổ kế toán và xử lý kinh phí cuối năm 2017 trên TABMIS**

KBNN tổ chức phân công thực hiện công tác khóa sổ kế toán và xử lý cuối năm 2017 trên TABMIS theo quy định.

#### **4. Nguyên tắc khóa sổ kế toán và xử lý kinh phí cuối năm 2017**

##### **4.1. Nguyên tắc chung**

- Việc xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm được thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN (Nghị định số 163/2016/NĐ-CP), Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN (Thông tư số 342/2016/TT-BTC).

- Ngày 21 tháng 12 năm 2017, Bộ Tài chính có Công văn số 17304/BTC-KBNN về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2017 sang năm 2018, lập và gửi báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm, các nội dung, thủ tục chuyển nguồn thực hiện theo quy định tại Điểm 1 và Điểm 2 của Công văn

này. Khi rà soát, xác định số dư kinh phí được chuyển nguồn sang năm 2018 cho các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư, đề nghị các đơn vị KBNN lưu ý thêm một số nội dung cụ thể như sau:

a) Về việc chuyển nguồn vốn đầu tư phát triển:

- Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm 2018 theo quy định tại Điều 76 Luật Đầu tư công và Điều 64 Luật NSNN năm 2015, cụ thể:

+ Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm thực hiện theo quy định tại Điều 76 Luật Đầu tư công.

+ Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm 2017 (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương), thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2017 được kéo dài đến hết ngày 31/12/2018; nhưng khi thực hiện đối với nguồn vốn ngân sách trung ương, các đơn vị phải tuân thủ đúng quy định tại Tiết b, Khoản 3, Điều 46, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (tức là các đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) thuộc NSTW phải được Bộ kế hoạch và Đầu tư thông báo cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2018).

+ Đối với kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016 đã được chuyển sang năm 2017, chỉ được thực hiện giải ngân đến hết ngày 31/12/2017. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công sang năm 2018 theo từng dự án.

- Đối với số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi không đưa vào quyết toán niên độ ngân sách của năm quyết toán. Sau thời gian chính lý quyết toán, số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi còn lại được chuyển sang ngân sách năm sau để thu hồi tạm ứng, cơ quan tài chính không phải xét chuyển (theo quy định tại Khoản 4, Điều 5, Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm).

Lưu ý: Riêng đối với các khoản đã sử dụng dự toán/kế hoạch vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được cân đối vào ngân sách nhà nước của năm dự toán 2016 đã được chuyển nguồn sang năm 2017 theo Luật Đầu tư công: Trường hợp KBNN đã kiểm soát chi, hoặc cơ quan có thẩm quyền đã ký đơn rút vốn, nhưng giải ngân, thanh toán sau ngày 31/01/2018; hoặc đã được nhà tài trợ giải ngân trước ngày 31/01/2018 nhưng chưa đến KBNN kiểm soát chi (theo quy trình kiểm soát sau), thời gian

hoàn thành thủ tục hạch toán ghi thu, ghi chi chậm nhất là 31/03/2018 và quyết toán vào năm ngân sách 2017.

Thủ trưởng cơ quan tài chính và KBNN các cấp có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án được giao quản lý ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài về việc kéo dài thời gian hạch toán ghi thu ghi chi đến 31/03/2018 đối với các trường hợp nêu trên.

b) Chi mua sắm trang thiết bị đã có đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2017 (theo dõi mã nguồn 12- Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán); chi mua tăng, mua bù hàng dự trữ quốc gia:

Về nội dung chi mua sắm trang thiết bị, đơn vị gửi Kho bạc nhà nước (KBNN) nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 10/02/2018: Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm; kế hoạch lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 30/6/2017; hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2017 và còn thời hạn thực hiện thanh toán, để làm căn cứ đối chiếu, xác nhận, chuyển nguồn sang năm 2018 cho đơn vị.

Số dư kinh phí mua tăng, mua bù hàng dự trữ quốc gia năm 2017 được chuyển sang năm 2018 sử dụng tiếp theo quy định

c) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội (viết tắt là nguồn thực hiện chính sách tiền lương):

Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội, được theo dõi mã nguồn 14 - Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương.

d) Kinh phí được giao tự chủ (gồm cả khoán chi quản lý hành chính) của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước theo chế độ quy định và theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi:

Nguồn kinh phí được giao tự chủ được theo dõi mã nguồn 13 - Kinh phí được giao tự chủ (bao gồm: kinh phí khoán chi của các đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí khoán chi quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; và các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/09/2017 giao tự chủ, giao khoán).

Các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi, gồm: số dư tại các đơn vị được giao theo cơ chế tài chính trong nước, số dư tạm ứng ở

cấp ngân sách theo chế độ quy định khi làm thủ tục xác nhận viện trợ được chuyển nguồn sang năm sau.

đ) Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/09/2017, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc:

Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/09/2017, nguồn không tự chủ được theo dõi mã nguồn 15 - Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9, khi chuyển nguồn sang năm 2018, giữ nguyên mã nguồn 15.

e) Kinh phí nghiên cứu khoa học (thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ) bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện.

Đơn vị quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học còn phải chi kinh phí cho các dự án, đề án đang trong thời gian thực hiện, gửi KBNN nơi giao dịch chậm nhất trong ngày 10/02/2018: Văn bản giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cấp có thẩm quyền còn thời hạn thực hiện.

Khoản kinh phí này được theo dõi mã nguồn 16 - Kinh phí nghiên cứu khoa học.

(Lưu ý: KBNN thực hiện chuyển nguồn các chương trình, đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ khi có đủ các điều kiện: Kinh phí nghiên cứu khoa học (thuộc lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ - Loại 370, ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước); có văn bản giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cấp có thẩm quyền còn thời hạn thực hiện.

g) Lưu ý: Vốn ODA chi sự nghiệp giao năm 2017, trường hợp KBNN đã kiểm soát chi, hoặc cơ quan có thẩm quyền đã ký đơn rút vốn trước 31/01/2018, nhưng giải ngân, thanh toán sau ngày 31/01/2018; hoặc đã được nhà tài trợ giải ngân trước ngày 31/01/2018 nhưng chưa đến KBNN kiểm soát chi (theo quy trình kiểm soát sau), thời gian hoàn thành thủ tục hạch toán ghi thu, ghi chi chậm nhất là 31/03/2018, và quyết toán vào năm ngân sách 2017.

Thủ trưởng cơ quan tài chính và KBNN các cấp có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án được giao quản lý ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài về việc kéo dài thời gian hạch toán ghi thu ghi chi đến 31/03/2018 đối với các trường hợp nêu trên.

4.2. Thời hạn chi, tạm ứng, đề nghị cam kết chi và hạch toán các khoản thu, chi ngân sách

a) Thời hạn chi, tạm ứng ngân sách (kể cả tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 và năm trước chuyển sang năm 2017) đối với các nhiệm vụ được giao trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được thực hiện chậm nhất đến hết ngày 29/12/2017. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ rút dự toán chi ngân sách, tạm ứng ngân sách, đề nghị cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 28/12/2017. Không thực hiện tạm ứng ngân sách năm 2017 (cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) trong thời gian chính lý quyết toán (trừ trường hợp tạm ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thực hiện đến hết ngày 31/01/2018).

b) Các khoản chi (gồm cả thanh toán tạm ứng) cho khối lượng, công việc đã thực hiện từ ngày 31/12/2017 trở về trước được giao trong dự toán ngân sách, thì thời hạn chi, thanh toán ngân sách được thực hiện đến hết ngày 31/01/2018 và được hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm 2017. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ chi ngân sách (kể cả thanh toán các khoản tạm ứng), đề nghị cam kết chi, theo chế độ quy định đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 25/01/2018.

c) Đối với vốn ODA và vay ưu đãi, thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ để KBNN xác nhận chậm nhất là 23/02/2018, thời hạn KBNN thực hiện xác nhận chậm nhất là 28/02/2018, thời gian hoàn thành thủ tục hạch toán ghi thu, ghi chi chậm nhất là 30/03/2018, và quyết toán vào năm ngân sách 2017.

#### 4.3. Số dư tài khoản tiền gửi

4.3.1. Số dư tài khoản tiền gửi ngân sách cấp đến hết ngày 31/12/2017 được xử lý như sau:

a) Số dư tài khoản tiền gửi các khoản ngân sách cấp của đơn vị dự toán mở tại Kho bạc Nhà nước đến cuối ngày 31/12/2017 được tiếp tục thanh toán theo quy định trong thời gian chính lý quyết toán. Đến hết thời gian chính lý quyết toán mà vẫn còn dư, thì phải nộp trả ngân sách nhà nước; trừ trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại khoản 4.1 mục 4 phần III của Công văn này.

- Đối với số dư tài khoản tiền gửi được chuyển nguồn sang năm 2018, thủ tục chuyển nguồn như sau: Chậm nhất đến hết ngày 10/02/2018, đơn vị sử dụng ngân sách phải đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch và chi tiết theo Khoản, Tiểu mục số tiền còn dư (theo mẫu biểu số 58,

ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN) kèm theo các tài liệu liên quan, để có căn cứ xác định thuộc diện được chuyển sang ngân sách năm 2018 theo quy định tại khoản 4.1 mục 4 phần III của Công văn này.

Căn cứ kết quả đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi, Kho bạc Nhà nước đồng cấp thực hiện hạch toán giảm chi (nếu đã hạch toán chi) hoặc hạch toán giảm tạm ứng (nếu đã hạch toán tạm ứng) ngân sách năm trước, tăng số đã cấp ngân sách năm sau; đồng thời thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước (tương ứng với số dư tài khoản tiền gửi được chuyển sang ngân sách năm sau) sang dự toán ngân sách năm sau.

- Đối với số dư tài khoản tiền gửi không sử dụng tiếp phải nộp lại ngân sách nhà nước. Đơn vị sử dụng ngân sách gửi báo cáo chi tiết số dư theo Mục lục ngân sách nhà nước đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch trước ngày 10/02/2018 để phối hợp thực hiện nộp lại ngân sách và hạch toán giảm chi hoặc giảm tạm ứng ngân sách;

*Lưu ý:* Riêng đối với trường hợp số dư tài khoản tiền gửi phải nộp trả NSNN cấp trên nhưng chưa xác định được nội dung, chi tiết mục lục NSNN để ghi giảm chi thì kế toán KBNN hạch toán vào Tài khoản 3591- Các khoản tạm thu khác, sau đó:

- Đối với ngân sách cấp tỉnh, huyện: KBNN tỉnh, huyện tổng hợp các khoản tiền đã hạch toán chi tiết trên Tài khoản 3591 - Các khoản tạm thu khác, kèm theo chứng từ gửi CQTC đồng cấp để phân tích nội dung các khoản phải nộp NSNN. Căn cứ đề nghị của CQTC (chi tiết mục lục NSNN), kế toán hạch toán giảm chi ngân sách tỉnh.

- Đối với NSTW: Sở Giao dịch KBNN tổng hợp các khoản tiền đã hạch toán chi tiết trên Tài khoản 3591- Các khoản tạm thu khác, kèm theo chứng từ gửi Vụ NSNN (Bộ Tài chính) để phân tích nội dung các khoản phải nộp NSNN. Căn cứ đề nghị của Vụ NSNN (chi tiết Mục lục NSNN), kế toán thực hiện hạch toán giảm chi NSTW.

b) Số dư tài khoản tiền gửi của ngân sách cấp xã (nếu có) được chuyển sang ngân sách năm sau sử dụng theo chế độ quy định.

4.3.2. Số dư trên tài khoản tiền gửi không thuộc ngân sách nhà nước cấp, được chuyển sang năm sau sử dụng theo quy định của pháp luật.

#### 4.4. Xử lý số dư dự toán ngân sách

##### 4.4.1. Trách nhiệm xử lý số dư dự toán cấp 0, 1, 2, 3 trên TABMIS

- Trách nhiệm xử lý số liệu dự toán NSTW trên TABMIS thực hiện theo quy định tại Công văn số 16501/BTC-KBNN ngày 17/11/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền NSTW

- Trách nhiệm xử lý số liệu dự toán NSDP trên TABMIS thực hiện theo quy định tại Công văn số 16502/BTC-KBNN ngày 17/11/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền NSDP.

- Đối với số dư dự toán cấp 0 được chuyển sang năm sau chi tiếp theo chế độ quy định, hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền: cơ quan tài chính các cấp, KBNN đối với cấp xã có trách nhiệm phiên mã loại, khoản từ năm 2017 sang năm 2018 theo Phụ lục II - Danh mục mã Loại - Khoản (ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước).

##### 4.4.2. Trách nhiệm xử lý số dư dự toán (dự toán cấp 4) tại KBNN

*a) Dự toán giao trong năm cho đơn vị, dự án, công trình đến hết ngày 31/01/2018 được xử lý như sau:*

- Dự toán ngân sách giao cho đơn vị, dự án, công trình đến hết ngày 31/01/2018 chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết (gọi là số dư dự toán) bị hủy bỏ; trừ các trường hợp được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo quy định tại Tiết 4.1, Khoản 4, Mục II của Công văn này.

- Việc chuyển số dư dự toán thuộc diện được chuyển nguồn theo quy định tại Tiết 4.1, Khoản 4, Mục II của Công văn này sang ngân sách năm sau chi tiếp thực hiện như sau: Chậm nhất đến hết ngày 10/02/2018, các đơn vị KBNN thực hiện đối chiếu và xác nhận số dư dự toán còn lại (theo mẫu biểu số 59, ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN). Căn cứ kết quả đối chiếu số dư dự toán, KBNN nơi giao dịch có trách nhiệm lập chứng từ và thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách (cho cả 4 cấp NS) sang năm 2018 trên hệ thống TABMIS theo quy định.

Hết ngày 15/03/2018, các khoản kinh phí không được chuyển sang năm sau, các đơn vị KBNN thực hiện hủy bỏ toàn bộ tại kỳ 13/2017.

- Đối với vốn đầu tư phát triển giao năm 2016 được chuyển nguồn sang năm 2017, khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển sang năm 2018, căn cứ văn bản của cấp có thẩm quyền, KBNN phục hồi kinh phí đã hủy bỏ tương ứng.

*b. Dự toán ứng trước (bao gồm dự toán tạm ứng chi thường xuyên, đầu tư, chuyển giao)*

Hết ngày 31/01/2018, số dự toán tạm ứng, ứng trước chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết không được chi tiếp và bị hủy bỏ; trừ các trường hợp được cấp có thẩm quyền quyết định cho kéo dài.

Đến hết ngày 15/3/2018, căn cứ kết quả đối chiếu số dư dự toán ứng trước còn lại đối với đơn vị sử dụng ngân sách và CQTC, KBNN thực hiện hủy bỏ dự toán theo quy định trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thanh toán.

#### 4.5. Xử lý số dư tạm ứng ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách

4.5.1. Số dư tạm ứng ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách đến hết ngày 31/01/2018 được xử lý như sau:

- Các khoản tạm ứng trong dự toán theo chế độ đến hết ngày 31/01/2018 chưa đủ thủ tục thanh toán (gọi là số dư tạm ứng) phải nộp lại ngân sách, trừ các trường hợp được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo quy định.

- Số tạm ứng của các trường hợp được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp được thực hiện như sau: Chậm nhất đến hết ngày 10/02/2018, đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) đối chiếu số dư tạm ứng với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (theo mẫu biểu số 58, 59, ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN).

Căn cứ quy định về chuyển nguồn ngân sách (thời hạn được chi, nội dung dự toán cấp có thẩm quyền giao và điều kiện được chuyển nguồn của các khoản chi), Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch đối chiếu, xác nhận số dư tạm ứng chưa thanh toán cho đơn vị và thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước (tương ứng với số dư tạm ứng) sang dự toán ngân sách năm sau theo quy định.

- Số dư tạm ứng còn lại không được chuyển nguồn sang năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách phải nộp lại ngân sách trước ngày 10/02/2018. Sau ngày 15/03/2018 nếu chưa nộp, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thu hồi bằng cách chuyển số tạm ứng này sang tạm ứng năm sau trong phạm vi dự toán được giao



năm sau có cùng nội dung với khoản thu hồi. Trường hợp dự toán năm sau không giao hoặc giao thấp hơn số phải thu hồi, Kho bạc Nhà nước thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp để xử lý.

Các khoản tạm ứng phải thu hồi (kể cả khoản đã chi ngân sách bằng lệnh chi tiền hoặc thanh toán do KBNN kiểm soát nhưng phải thu hồi theo quy định) mà chưa thu hồi được, thì Kho bạc Nhà nước hạch toán vào tài khoản tạm ứng để theo dõi và hàng năm KBNN báo cáo gửi cơ quan tài chính đồng cấp, UBND xã đối với ngân sách cấp xã; khi thu hồi sẽ hạch toán giảm số tạm ứng, không hạch toán vào thu ngân sách nhà nước (việc hạch toán theo hướng dẫn Công văn số 4696/KBNN-KTNN ngày 29/09/2017 của Kho bạc nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện Chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước - viết tắt là Công văn số 4696/KBNN-KTNN ngày 29/09/2017)

4.5.2. Xử lý số dư tạm ứng trên các tài khoản tạm ứng không kiểm soát dự toán chuyển sang năm sau

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu giữa CQTC và KBNN cùng cấp về số dư các tài khoản tạm ứng chi ngân sách không kiểm soát dự toán năm 2017 đến hết ngày 31/01/2018, căn cứ vào Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách của CQTC về việc chuyển số dư tạm ứng không kiểm soát dự toán sang năm sau tiếp tục theo dõi và thu hồi, kế toán KBNN ghi (GL):

Tại kỳ 13/2017:

Nợ TK 1460, 1631, 1817, 1857, 1994

Có TK 1410, 1531, 1717, 1757, 1984

Tại kỳ hiện tại năm 2018:

Nợ TK 1410, 1531, 1717, 1757, 1984

Có TK 1460, 1631, 1817, 1857, 1994

4.5.3. Xử lý số dư tạm ứng, ứng trước

a) Thời hạn xử lý

- *Xử lý số dư tạm ứng đối với kinh phí thường xuyên, số dư ứng trước đối với kinh phí đầu tư XD CB, số dư ứng trước chuyển giao:*

Thời điểm hết ngày 31/01/2018, số dư tạm ứng đối với kinh phí thường xuyên, số dư ứng trước đối với kinh phí đầu tư XD CB, số dư ứng trước chuyển giao được chuyển sang tài khoản tương ứng năm 2018 theo dõi tiếp. KBNN các cấp thực hiện chuyển sang năm 2018 theo quy định.

b) Quy trình xử lý

- Đối với số dư tạm ứng đối với kinh phí thường xuyên, số dư ứng trước đối với kinh phí đầu tư XDCB, số dư ứng trước chuyển giao:

KBNN các cấp thực hiện các bước chuyển số dư sang năm sau trên hệ thống TABMIS theo quy trình hướng dẫn.

- Đối với số dư ứng trước trên các tài khoản không kiểm soát dự toán chuyển sang năm sau

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu giữa CQTC và KBNN, kế toán KBNN căn cứ vào Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách của CQTC, ghi (GL):

Tại kỳ 13/2017:

Nợ TK 1698, 1837, 1898, 1999

Có TK 1598, 1737, 1798, 1989

Tại kỳ hiện tại năm 2018:

Nợ TK 1598, 1737, 1798, 1989

Có TK 1698, 1837, 1898, 1999

#### 4.6. Xử lý số dư cam kết chi tại KBNN các cấp

##### 4.6.1. Xử lý các khoản cam kết chi từ dự toán tạm ứng, ứng trước.

Các khoản cam kết chi từ dự toán tạm ứng chi thường xuyên, dự toán ứng trước chi đầu tư, số dư chưa thanh toán của các khoản cam kết chi thực hiện như sau:

Thời điểm hết ngày 31/01/2018, KBNN thực hiện chương trình chuyển nguồn số dư cam kết chi và dự toán tạm ứng tương ứng chuyển sang năm sau. (theo hướng dẫn chuyển đổi MLNS 2018; Thực hiện hủy/giảm số cam kết chi năm 2017, chuyển nguồn dự toán, nhập lại cam kết chi tại bản TAB\_2018).

##### 4.6.2. Xử lý các khoản cam kết chi từ dự toán chi được giao trong năm

Về nguyên tắc các khoản đã cam kết chi thuộc năm ngân sách nào chỉ được chi trong năm ngân sách đó, thời hạn thanh toán đối với các khoản đã cam kết chi phù hợp với thời hạn chi quy định đối với các khoản chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Sau ngày 31/12/2017, số dư cam kết chi còn lại được tiếp tục thanh toán đến hết ngày 31/01/2018 cho các nhiệm vụ đã có khối lượng, công việc thực hiện đến ngày 31/12/2017.

- Sau ngày 31/01/2018, số cam kết chi chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết phải bị hủy bỏ, trừ trường hợp: số dư dự toán được phép chuyển sang năm sau chi tiếp theo quy định tại Tiết 4.1, Khoản 4, Mục II của Công văn này,

KBNN thực hiện chuyển cam kết chi của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư sang năm sau để theo dõi, quản lý và thanh toán tiếp.

Việc thực hiện chuyển cam kết chi sang năm sau theo quy trình (theo hướng dẫn xử lý cuối kỳ quy định tại Công văn số 4696/KBNN-KTNN ngày 29/09/2017).

## **5. Về thực hiện chuyển nguồn**

### **5.1. Căn cứ và chứng từ hạch toán chuyển nguồn**

Chứng từ hạch toán chi chuyển nguồn thực hiện theo quy định tại Công văn số 4696/KBNN-KTNN ngày 29/09/2017 của Kho bạc Nhà nước về việc thực hiện Chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước và văn bản của cấp có thẩm quyền.

### **5.2. Một số lưu ý thực hiện các chương trình trên hệ thống TABMIS**

- Đơn vị thực hiện quy trình chuyển nguồn theo hướng dẫn quy trình chuyển đổi MLNS mới trên hệ thống TABMIS.

- Một số lưu ý khi sử dụng hệ thống TABMIS2017 và TABMIS2018 theo Phụ lục số 03- Một số lưu ý về việc thực hiện các chương trình hệ thống.

- Danh sách cán bộ hỗ trợ cuối năm 2017 theo Phụ lục số 04- Danh sách cán bộ tham gia hỗ trợ khóa sổ kế toán và quyết toán ngân sách cuối năm 2017.

## **6. Danh mục báo cáo năm:**

### **6.1. Danh mục báo cáo tài chính, báo cáo quản trị**

Thực hiện lập và lưu báo cáo định kỳ theo tháng, năm theo quy định. Trong thời gian chỉnh lý và hết thời gian kéo dài việc thực hiện và hạch toán thanh toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền, thực hiện lập và lưu báo cáo đối với các báo cáo có thay đổi số liệu so với báo cáo 12 tháng (như: báo cáo thu, chi NSNN, báo cáo dự toán, bảng cân đối tài khoản năm trước...).

Ngoài các báo cáo theo quy định nêu trên, lập thêm các báo cáo theo Phụ lục số 05 – Danh mục báo cáo kế toán năm 2017.

### **6.2. Danh mục mẫu biểu**

KBNN các cấp thực hiện lập và lưu báo cáo theo quy định tại Phụ lục 02- Danh mục mẫu biểu kèm theo công văn này.

*Lưu ý: Công văn này đã bổ sung thêm cột Cam kết chi vào mẫu biểu số 59 (các đơn vị KBNN hướng dẫn thực hiện theo mẫu tại Công văn này).*

### III. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng CQTC và KBNN các cấp có trách nhiệm nghiên cứu nội dung hướng dẫn trên đây và các văn bản khác quy định chế độ khóa sổ kế toán đã ban hành để triển khai, tổ chức thực hiện khóa sổ kế toán năm 2017 đảm bảo an toàn và chính xác, chịu trách nhiệm phổ biến nội dung đến các đơn vị, cá nhân có liên quan về công tác khóa sổ kế toán năm 2017. Trường hợp có vướng mắc trong công tác phối hợp để đảm bảo thực hiện khóa sổ theo đúng quy trình nghiệp vụ, cần trao đổi, thống nhất giữa cơ quan tài chính và Kho bạc nhà nước để tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) để nghiên cứu, thống nhất giải quyết. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Vụ NSNN, HCSN, ĐT;TCNH;
- Cục QLNTCĐN;TCĐN;
- Lưu: VT, KBNN (150 bản) ✓

**TL. BỘ TRƯỞNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC**



**Nguyễn Hồng Hà**

**Phụ lục 01**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN**

(Kèm theo Công văn số 17676/BTC-KBNN ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

STT	Danh mục các văn bản
1	Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN
2	Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm
3	Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.
4	Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/07/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước
5	Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm
6	Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài
7	Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc
8	Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2017
9	Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;
10	Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước
11	Các văn bản khác liên quan đến công tác khóa sổ NSNN năm 2017 ...

**Phụ lục 02**  
**DANH MỤC MẪU BIỂU**

(Kèm theo Công văn số 17676/BTC-KBNN ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

STT	Mẫu biểu số	Tên mẫu biểu
1	01/BC-TGDT	Báo cáo tổng hợp tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp được chuyển sang năm sau (không phải xét) thuộc ngân sách TW (tỉnh, huyện) niên độ...
2	02/ĐC-VDT	Bảng đối chiếu tình hình sử dụng vốn đầu tư năm...
3	03/ĐC- CQTC	Bảng đối chiếu số liệu
4	04/TH-TGNH	Bảng tổng hợp số liệu tài khoản tiền gửi ngân hàng năm...
5	05A, B/ĐC-QTV	Bảng đối chiếu số liệu các tài khoản thuộc phạm vi quyết toán vốn KBNN
6	06/ĐC-BSNS	Bảng đối chiếu số liệu Bổ sung NSNN
7	Mẫu biểu số 58	Số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp của đơn vị dự toán được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp
8	Mẫu biểu số 59	Tình hình thực hiện dự toán của các nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp theo hình thức rút dự toán
9	M-02/KB/KT	Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi của KBNN với ngân hàng
10	B7-10a, B7-10b/KB/TABMIS	Báo cáo đối chiếu số liệu thanh toán – Kế toán Liên kho bạc

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP  
ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM SAU (KHÔNG PHẢI XÉT) THUỘC NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CẤP TỈNH/CẤP HUYỆN)**

Niên độ 2017

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tính chất nguồn kinh phí	Chương	Loại, Khoản	Mục, Tiêu mục	Số tiền
1	2	3	4	5	6	7
<b>A</b>	<b>Đơn vị dự toán cấp I</b>					
1	<b>Kinh phí thường xuyên</b>					
	Kinh phí khoán, tự chủ					
	Kinh phí không tự chủ					
2	<b>Kinh phí chương trình mục tiêu</b>					
	...					
<b>B</b>	<b>Đơn vị dự toán cấp I</b>					
1	<b>Kinh phí thường xuyên</b>					
	...					
<b>C</b>	<b>Đơn vị dự toán cấp I</b>					
	...					

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chuyên viên KSC**

**Phụ trách KSC**

**Giám đốc KBNN**

**Ghi chú:**

1. Căn cứ kết quả rà soát, xác nhận số kinh phí trên tài khoản 3711 năm 2017 được chuyển sang năm 2018

- KBNN cấp huyện tổng hợp theo đơn vị dự toán cấp I

+ Đơn vị cấp I thuộc ngân sách cấp huyện: gửi Phòng Tài chính kế hoạch

+ Đơn vị cấp I thuộc ngân sách cấp trên: tổng hợp theo cấp ngân sách, gửi KBNN cấp tỉnh.

- KBNN cấp tỉnh tổng hợp theo đơn vị dự toán cấp I:

+ Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh: gửi Sở Tài chính

+ Đơn vị cấp I thuộc NSTW: gửi KBNN (Cục Kế toán nhà nước)

- Sở Giao dịch: tổng hợp theo đơn vị dự toán cấp I gửi Cục Kế toán nhà nước

- Cục KTNN tổng hợp theo đơn vị dự toán cấp I của NSTW trình Lãnh đạo KBNN gửi các Vụ, Cục, Tổng cục quản lý Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan TW, lĩnh vực

2. Đối với KBNN quận huyện không tổ chức phòng, bỏ trống phần ký chức danh Phụ trách KSC





Số liệu của Kho bạc nhà nước nơi giao dịch:																					
	Dự án...																				
Vốn trong nước																					
Vốn ngoài nước																					
Chênh lệch vốn 3 thanh toán trong năm:																					
	Dự án...																				
Vốn trong nước																					
Vốn ngoài nước																					

Ghi chú:

- Cột số 4 "Lũy kế vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ năm trước" không bao gồm số vốn đã thanh toán cho dự án từ nguồn vốn ứng trước

- Cột số 7 "Kế hoạch vốn được kéo dài": đề nghị chỉ ghi phần vốn còn lại chưa giải ngân thuộc kế hoạch năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm 20...

.... ngày ... tháng ... năm 20...

**CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

... ngày ... tháng ... năm 20...

**KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

**BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Mã TKKT	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Số tiền

....., ngày.....tháng.....năm.....

**XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC**

Kế toán

Kế toán trưởng

....., ngày.....tháng.....năm.....

**CƠ QUAN TÀI CHÍNH**

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TÀI KHOẢN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

Năm .....

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên đơn vị	Số hiệu TK	Số dư đầu kỳ	Doanh số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
				Nợ	Có	
I	<b>Tại NH Nhà nước</b>					
	KBNN .....					
	KBNN .....					
	KBNN .....					
II	<b>Tại NH Thương mại NH</b>					
1	<i>Ngân hàng Nno&amp;PTNT</i>					
	KBNN .....					
	KBNN .....					
	KBNN .....					
2	<i>Ngân hàng Công thương</i>					
	KBNN .....					
	KBNN .....					
	KBNN .....					
3	<i>Ngân hàng đầu tư PT</i>					
	KBNN .....					
	KBNN .....					
	KBNN .....					
	<b>Tổng cộng</b>					

Ghi chú: (Giải thích chênh lệch, các vấn đề liên quan)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc KBNN

KHO BẠC NHÀ NƯỚC: .....

Mẫu biểu số 05A/ĐC-QTV

**BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CÁC TÀI KHOẢN THUỘC PHẠM VI QUYẾT TOÁN VỐN KBNN**

Giữa Kho bạc Nhà nước và KBNN

Đơn vị: đồng

SHTK	Số dư đến 31/12		Số liệu chỉnh lý				
			SHTK	Doanh số phát sinh		Số dư	
	Nợ	Có		Nợ	Có	Nợ	Có
1	4	5	6	7	8	9	10
3814			3817				
USD			USD				
...			...				
3815			3818				
3862			3882				
VND			VND				
USD			USD				
EUR			EUR				
...			...				
3863			3883				
VND			VND				
USD			USD				
...			...				
3865			3885				
...			...				
3866			3886				
...			...				

Kế toán

Kế toán trưởng

....., ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc KBNN

Ghi chú: Biểu này dùng để đối chiếu số liệu giữa KBNN và KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ.

Ngày lập:

**BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CÁC TÀI KHOẢN THUỘC PHẠM VI QUYẾT TOÁN VỐN KBNN**  
Giữa KBNN và KBNN

Đơn vị: đồng

SHTK	Số dư đến 31/12		Số liệu chỉnh lý				
			SHTK	Doanh số phát sinh		Số dư	
	Nợ	Có		Nợ	Có	Nợ	Có
1	4	5	6	7	8	9	10
3862			3882				
VND			VND				
USD			USD				
EUR			EUR				
...			...				
3863			3883				
...			...				
3865			3885				
...			...				
3866			3886				
...			...				
3825			3828				
...			...				
3852			3872				
...			...				
3853			3873				
...			...				
3855			3875				
...			...				
3856			3876				
...			...				

Kế toán

Kế toán trưởng

....., ngày.....tháng.....năm.....  
Giám đốc KBNN

Ghi chú: Biểu này dùng để đối chiếu số liệu giữa KBNN tỉnh và KBNN quận, huyện trực thuộc.

**BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU BỔ SUNG NGÂN SÁCH NIÊN ĐỘ .....**

Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...

STT	Nội dung	Số chi NS cấp trên bổ sung cho NS cấp dưới	Trong đó		Số thu NS cấp dưới	Trong đó		Chênh lệch	Nguyên nhân
			Số chi NS cấp trên theo hình thức GTGC (Căn cứ trên số liệu ghi chi đo KBNN cấp trên cung cấp)	Số chi NS cấp trên theo hình thức dự toán tại tỉnh		Số thu NS cấp dưới theo hình thức rút dự toán	Số thu NS cấp dưới theo hình thức GTGC		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(3)-(6)	(10)
I	Số vốn ứng trước bổ sung NS								
	TM....								
	TM....								
II	Số vốn giao trong năm (Bổ sung, điều chỉnh)								
	TM								
	TM								
	TM								
	TM								
	TM								
	TM								

..., ngày...tháng... năm...

**KBNN cấp dưới**

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

..., ngày...tháng... năm...

**CQTC đồng cấp xác nhận**

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

## **Quy trình đối chiếu số liệu bổ sung ngân sách**

### **1. Đối với NSTW**

- KBNN tỉnh phối hợp Sở Tài chính rà soát, đối chiếu, thực hiện tổng hợp số liệu thu-chi NS theo hình thức rút dự toán tại tỉnh và số chi NSTW (bao gồm cả GTGC).

- Sở Tài chính căn cứ số liệu do KBNN tỉnh cung cấp thực hiện đối chiếu, tổng hợp các số liệu gửi Vụ NSNN, Cục Quản lý Nợ và TCDN kèm thuyết minh (nếu có).

- Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại căn cứ văn bản do Sở Tài chính gửi xem xét, giải quyết kịp thời những vướng mắc theo đúng quy trình.

- Cục KTNN căn cứ số liệu báo cáo do KBNN tỉnh gửi thực hiện tổng hợp số liệu toàn quốc gửi Vụ NSNN, Cục Quản lý nợ và TCDN.

### **2. Đối với NS địa phương**

- VP KBNN tỉnh lập báo cáo chi NS tỉnh bổ sung NS huyện chi tiết theo từng huyện gửi KBNN huyện qua thư điện tử.

- KBNN quận, huyện tổng hợp số liệu thu-chi NS theo hình thức rút dự toán tại KBNN huyện và số rút dự toán chi chuyển giao theo hình thức GTGC lập biểu đối chiếu số liệu gửi Phòng Tài chính huyện và KBNN tỉnh.

- VP KBNN tỉnh căn cứ số báo cáo do KBNN huyện gửi, thực hiện tổng hợp số liệu toàn tỉnh gửi Sở Tài chính.

ĐƠN VỊ....., MÃ SỐ:.....  
MÃ CHƯƠNG:.....  
MÃ KBNN GIAO DỊCH:.....

Mẫu biểu số 58

**SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CÁC CẤP CỦA ĐƠN VỊ DỰ TOÁN ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ  
THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP  
NĂM ..... CHUYỂN SANG NĂM .....**

*(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)*

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí <sup>(1)</sup>	Loại, Khoản	Mục, Tiểu mục	Số dư tài khoản tiền gửi
A	B	1	2	3	4
1	<b>Kinh phí thường xuyên<sup>(2)</sup></b>				
a	- Kinh phí được giao tự chủ				
b	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm.....				
...	.....				
2	<b>Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)</b>				
	.....				

**Ghi chú:**

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện;

(2) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

**KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị**  
*(Ghi rõ tổng số tiền ở cột số 4)*

..., ngày ... tháng ... năm ....  
**Thủ trưởng đơn vị**  
*(ký tên, đóng dấu)*



ĐƠN VỊ (hoặc CHỦ ĐẦU TƯ)....., MÃ SỐ:.....

Mẫu biểu số 59

MÃ CHƯƠNG:....

MÃ KBNN GIAO DỊCH:....

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP THEO HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN NĂM... CHUYỂN SANG NĂM .....**

*(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách, chủ đầu tư thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)*

*Đơn vị: Đồng*

TT	Đơn vị	Tính chất nguồn kinh phí <sup>(1)</sup>	Loại, Khoản	Dự toán năm được chi				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Số dự tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau		
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang <sup>(2)</sup>	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh <sup>(3)</sup>		Số dự dự toán	Số dự tạm ứng	Cam kết chi
	2	3	4	5= 6+7+8	6	7	8	9	10=5-9	11	
	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN<sup>(4)</sup></b>										
	- Kinh phí được giao tự chủ										
	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm .....										
	.....										
	Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)										
	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(5)</sup></b>										
	Dự án A										
	....										

**Ghi chú: Mẫu biểu sử dụng cho cả chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển.**

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện.

(2) Dự toán năm trước chuyển sang, gồm: số dư dự toán và số dư tạm ứng năm trước được chuyển sang năm sau.

(3) Dự toán điều chỉnh là hiệu số giữa số bổ sung với số giảm dự toán trong năm; nếu dương thì ghi dấu cộng (+), nếu âm thì ghi dấu trừ (-).

(4) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

(5) Đối với chi đầu tư phát triển, số dư dự toán, số dư tạm ứng (chưa thanh toán) chi đầu tư phát triển được chuyển sang năm sau theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

\_\_\_\_\_  
**KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị**  
*(Ghi rõ tổng số của các chỉ tiêu ở cột số 5, 9, 10, 11)*

\_\_\_\_\_, ngày ... tháng ... năm ....  
**Thủ trưởng đơn vị**  
*(ký tên, đóng dấu)*

M-02/KB/TT  
(Theo Công văn số 4696/KBNN-KTNN  
ngày 29/9/2017 của KBNN)

**BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN CỦA KBNN VỚI NGÂN HÀNG.....**

Tháng: ...năm....

Năm: .....

Địa chỉ

Tại Ngân hàng:

Kho bạc Nhà nước:

Số tài khoản:

Đề nghị Ngân hàng ..... - chi nhánh ..... xác nhận số liệu tài khoản của KBNN..... tại Ngân hàng ..... như sau:

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Số liệu tại KBNN	Số liệu tại NHTM	Chênh lệch	Nguyên nhân
<b>I. Số hiệu TK.....</b>				
Số dư đầu kỳ			-	
Phát sinh tăng trong kỳ			-	
Phát sinh giảm trong kỳ			-	
Số dư cuối kỳ			-	
<b>II. Số hiệu TK.....</b>				

....., ngày tháng năm 201

Xác nhận của Ngân hàng.....

Kế toán trưởng

Giám đốc  
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm 201

Xác nhận của KBNN

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản  
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN - KẾ TOÁN LIÊN KHO BẠC**

Ngày lập:....

Từ ngày thanh toán...

Đến ngày thanh toán...

Loại tiền....

Đơn vị tính: Đồng

STT	Lệnh thanh toán	Số liệu thanh toán		Số liệu kế toán		Chênh lệch	
		TK LKB đi	TK LKB đến	TK LKB đi	TK LKB đến	TK LKB đi	TK LKB đến
1	2	3	4	5	6	7=3-5	8=4-6
<b>I.</b>	<b>Thanh toán nội tỉnh</b>						
1	Lệnh chuyển Nợ						
2	Lệnh chuyển Có						
<b>II.</b>	<b>Thanh toán ngoài tỉnh</b>						
1	Lệnh Chuyển Nợ						
2	Lệnh chuyển Có						

\* Thuyết minh chênh lệch (nếu có):

NGƯỜI LẬP

KIỂM SOÁT

Ngày ..... Tháng ..... năm.....

GIÁM ĐỐC

**BÁO CÁO ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN - KẾ TOÁN LIÊN KHO BẠC**

Ngày lập:....

Từ ngày thanh toán... Đến ngày thanh toán...

Loại tiền:

STT	Loại tiền	Số liệu thanh toán				Số liệu kế toán				Chênh lệch				
		TK LKB đi		TK LKB đến		TK LKB đi		TK LKB đến		TK LKB đi		TK LKB đến		
		Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=3-7	12=4-8	13=5-9	14=6-10	
<b>I. Thanh toán nội tỉnh</b>														
<b>1 Lệnh chuyển nợ</b>														
	VND													
	AUD													
	...													
<b>2 Lệnh chuyển Có</b>														
	VND													
	AUD													
	...													
<b>II. Thanh toán ngoại tỉnh</b>														
<b>1 Lệnh chuyển nợ</b>														
	VND													
	AUD													
	...													
<b>2 Lệnh chuyển Có</b>														
	VND													
	AUD													
	...													

\* Thuyết minh chênh lệch (nếu có):

NGƯỜI LẬP

KIỂM SOÁT

Ngày .....Tháng ..... năm.....

GIÁM ĐỐC

### **Phụ lục 03**

## **MỘT SỐ LƯU Ý VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỆ THỐNG**

*(Kèm theo Công văn số 17676/BTC-KBNN ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

---

### **1. Vận hành hệ thống TABMIS:**

Theo kế hoạch, Kho bạc Nhà nước thuộc Bộ Tài chính sẽ đưa vào vận hành hệ thống TABMIS2018 theo Mục lục ngân sách mới (có hiệu lực ngày 01/01/2018) quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước. Thời gian vận hành bắt đầu từ ngày 20/12/2017 trở đi, vì vậy thời điểm cuối năm 2017, các đơn vị cần thực hiện vận hành song song hai hệ thống TABMIS. Cụ thể như sau:

- Đối với hệ thống TABMIS vận hành theo MLNS cũ như hiện nay (TABMIS2017) vẫn tiếp tục duy trì hoạt động để quản lý số liệu, phân bổ dự toán bổ sung, điều chỉnh dự toán, hạch toán thu, chi NSNN, chuyển đổi số liệu, quyết toán số liệu phát sinh từ năm 2017 trở về trước.

*Lưu ý:* Thời điểm cuối năm 2017, số lượng người sử dụng trên hệ thống sẽ tăng lên nhiều lần so với các năm trước, vì vậy đề nghị các đơn vị quán triệt người sử dụng hệ thống cần thoát khỏi chế độ đăng nhập bằng ô “Đăng xuất” khi không làm việc trên hệ thống TABMIS.

- Đối với hệ thống TABMIS vận hành theo MLNS mới (TABMIS2018) được thiết lập mới để quản lý số liệu, phân bổ dự toán, hoạch toán thu, chi NSNN, quyết toán số liệu phát sinh kể từ năm 2018 trở đi.

Đường dẫn đăng nhập vào hệ thống TABMIS2018 là <https://ungdung.tabmis.btc>. Mã và mật khẩu đăng nhập tương tự như TABMIS2017 đến thời điểm 10/12/2017.

- Trách nhiệm của Phòng/Bộ phận Tin học của Sở Tài chính và KBNN các tỉnh trong công tác vận hành TABMIS2017 và TABMIS2018:

+ Hướng dẫn các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo thiết lập hệ thống TABMIS2018 hoạt động kịp thời trên các máy tính của đơn vị.

+ Thiết lập những thay đổi tài khoản đăng nhập TABMIS, cây phê duyệt phát sinh sau ngày 10/12/2017 trên cả hai hệ thống TABMIS2017 và TABMIS2018, quy trình thực hiện thiết lập theo quyết định số 04/QĐ-BTC và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về chuyển giao phân cấp nhiệm vụ quản lý tài khoản TABMIS cho Sở Tài chính và KBNN các tỉnh, thành phố.

Các nội dung nêu trên, đề nghị các đơn vị thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 5918/KBNN-CNTT ngày 14/12/2017 của Kho bạc Nhà nước về việc hướng dẫn sử dụng hệ thống TABMIS2018.

## **2. Đối với kết sổ thủ công và kết sổ tự động:**

Các đơn vị Kho bạc Nhà nước thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về công tác kết sổ thủ công ban ngày quy định tại Công văn số 106/KBNN-TABMIS ngày 17/01/2014 của Kho bạc Nhà nước.

Đội hỗ trợ TABMIS sẽ tăng cường giám sát việc kết sổ thủ công ban ngày của các đơn vị thời gian cao điểm cuối năm, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp thực hiện sai quy định, thông báo đến đồng chí Giám đốc đơn vị KBNN để quán triệt, chỉ đạo, xử lý theo quy định.

Đối với chương trình kết sổ tự động do Đội hỗ trợ trung ương thiết lập thực hiện tự động vào ban đêm cho 63 bộ sổ các tỉnh, thành phố với các loại giao dịch Ngân sách – Dự chi – Thực. Thời gian thực hiện từ 19 giờ 30 phút hàng ngày, vì vậy các đơn vị không phải thực hiện chương trình kết sổ tự động trên hệ thống TABMIS đối với các loại giao dịch nêu trên.

## **3. Đối với chương trình đồng bộ dự toán:**

Đề nghị các Vụ, Cục thuộc Bộ Tài chính thực hiện chương trình đồng bộ dự toán NSTW từ trung ương xuống địa phương và chiều ngược lại theo đúng các quy định tại Công văn số 19/TABMIS-TK ngày 15/08/2014 của Ban triển khai TABMIS.

Trường hợp cấp thiết cần phải thực hiện kết sổ và đồng bộ dự toán ngay tức thời, cán bộ phê duyệt các Vụ, Cục chuyên quản thuộc Bộ Tài chính thực hiện thủ công trên hệ thống TABMIS.

Các giao dịch phân bổ dự toán khác đều được thực hiện kết sổ và đồng bộ dự toán tự động vào buổi trưa và buổi đêm hàng ngày.

## **3. Đối với chương trình xử lý cuối năm:**

Đề nghị các đơn vị KBNN và Cơ quan Tài chính phối hợp xử lý hoàn tất các giao dịch dở dang trên hệ thống trước khi thực hiện các chương trình xử lý cuối năm 2017.

- Xử lý các giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS: Để đảm bảo an toàn, chính xác trong quá trình hạch toán cập nhật số liệu, Kế toán trưởng nghiệp vụ KBNN tỉnh, thành phố kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn các đơn vị liên quan, Cơ quan Tài chính đồng cấp, chủ động xử lý dứt điểm các giao dịch dở dang trong ngày, không để tồn đọng. Đối với các giao dịch dở dang của các Bộ, ngành trung

ương tại Bộ số tỉnh, trường hợp không xử lý được, kịp thời gửi yêu cầu hỗ trợ đến địa chỉ email: [hotrocntt@vst.gov.vn](mailto:hotrocntt@vst.gov.vn) để phối hợp xử lý.

Đồng thời, sử dụng hệ thống tra cứu giao dịch dở dang theo đúng nội dung hướng dẫn xử lý giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS và hướng dẫn sử dụng chương trình tiện ích tra cứu giao dịch dở dang đã được gửi các đơn vị tại Công văn gửi Sở Tài chính và KBNN số 16864/BTC-KBNN ngày 25/11/2016 về việc tăng cường rà soát, xử lý giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS phục vụ công tác khóa sổ quyết toán cuối năm 2016.

Ngoài ra, vào thời điểm cuối năm, KBNN sẽ rà soát, thống kê, kết xuất định kỳ các giao dịch dở dang chưa được các đơn vị xử lý dứt điểm và gửi cho đ/c Kế toán trưởng KBNN, Trưởng Phòng QLNS Sở Tài chính các tỉnh, thành phố có trách nhiệm để đôn đốc nhắc nhở các đơn vị trực thuộc thực hiện xử lý.

- Tổ chức thực hiện công tác xử lý cuối năm, phân công bố trí cán bộ thực hiện, lập kế hoạch thực hiện, đăng ký kế hoạch thực hiện với Đội hỗ trợ trung ương để được thực hiện quy trình hỗ trợ kịp thời hiệu quả (*ưu tiên thực hiện các chương trình xử lý cuối năm vào ngoài giờ hành chính và các ngày nghỉ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ*).

#### **4. Một số lưu ý khi thực hiện các chương trình chuyển nguồn:**

(1) Theo quy trình của hệ thống, tại một thời điểm, cán bộ thực hiện một trong các chương trình chuyển nguồn: (i) Chương trình tái phân loại tạm ứng; (ii) Chương trình chuyển nguồn dự toán; (iii) Chương trình đảo tái phân loại tạm ứng; (iiii) Chương trình khử số dư âm; chỉ thực hiện được tối đa 03 yêu cầu và chờ đến khi các yêu cầu được xử lý hoàn thành rồi tiếp tục thực hiện các chương trình khác. Đối với Chương trình chuyển nguồn lưu ý với lựa chọn **<Bạn có muốn thực hiện Kết sổ bút toán chuyển nguồn không>** khi đó người sử dụng cần chọn **<không>**.

(2) Trong cùng một đơn vị có nhiều cán bộ cùng thực hiện các chương trình xử lý cuối năm, thực hiện liên tiếp đồng thời nhiều chương trình xử lý cuối năm (lớn hơn 03 yêu cầu), ảnh hưởng đến hệ thống sinh ra liên tiếp các chương trình con dẫn đến xung đột treo và lỗi trên hệ thống.

(3) Thực hiện điều chỉnh chưa đúng quy trình, điều chỉnh sau khi đã chạy chương trình chuyển nguồn, điều chỉnh sai ngày hạch toán đối với các khoản chi và cam kết chi trong giai đoạn khóa sổ, dẫn đến chênh lệch số liệu giữa năm trước với năm sau và số liệu các chương trình xử lý cuối năm sinh ra không đúng, không kết sổ được các bút toán chuyển nguồn.



(4) Thực hiện chương trình tính toán cân đối thu chi chưa đúng quy trình nghiệp vụ, chưa đúng tham số hệ thống, sai cấp ngân sách, sai mã địa bàn... dẫn đến số liệu phản ánh trên bảng cân đối kế toán sai lệch.

(5) Thực hiện kết số các bút toán chuyển nguồn không đúng trình tự dẫn đến lỗi không đủ quỹ.

**5 . Việc thiết lập ưu tiên đối với chương trình giao diện thời gian cao điểm cuối năm (bắt đầu từ ngày 25/12/2017 đến hết ngày 05/01/2018 và từ ngày 22/01/2018 đến hết ngày 02/02/2018):**

- Ưu tiên thứ nhất: giao dịch nhập bút toán, cập nhật số dư tiền gửi của đơn vị, phân bổ dự toán, đồng bộ dự toán NSTW.

- Ưu tiên thứ hai: giao diện thanh toán đầu ra của TABMIS sang liên ngân hàng, thanh toán điện tử, thanh toán bù trừ điện tử. Giao diện an ninh quốc phòng sang TABMIS để giao diện thanh toán chuyển tiếp, bảng kê BK1-03 (*sử dụng trong trường hợp hệ thống giao diện quá tải, để đơn vị chủ động thanh toán với ngân hàng bằng phương pháp thủ công*).

- Ưu tiên thứ ba: giao diện đầu vào TABMIS của hệ thống thu ngân sách nhà nước, liên kho bạc, bù trừ điện tử, liên ngân hàng, thanh toán song phương" thành "giao diện đầu vào TABMIS của hệ thống thu ngân sách nhà nước, bù trừ điện tử, liên ngân hàng, thanh toán song phương"

Ngoài ra các mức ưu tiên nêu trên, Đội hỗ trợ TABMIS thiết lập luồng ưu tiên giao diện dành riêng cho Hồ Chí Minh và Hà Nội, (đơn vị có số lượng giao dịch thanh toán lớn).

- Ưu tiên thứ năm: liệt kê S2-06 và số chi tiết S2-02 ưu tiên thực hiện ban ngày đối với các yêu cầu phù hợp nghiệp vụ, đối với các yêu cầu sai quy định sẽ bị ngắt không cho thực hiện như các yêu cầu tham số toàn tỉnh, tham số từ ngày đến ngày của một tháng hoặc một năm,...

- Ưu tiên thứ sáu: các báo cáo thu, chi, cân đối kế toán, thực hiện ban ngày của Cục Kế toán nhà nước, Hồ Chí Minh, Hà Nội. Các báo cáo tài chính của cơ quan Tài chính thực hiện ban ngày. Đối với các yêu cầu thực hiện sai quy định sẽ bị ngắt không cho thực hiện, như các yêu cầu tham số thời gian từ 01/01 đến 31/12, hoặc không nhập tham số mã hiệu KBNN (SHKB để trống).

**6. Một số báo cáo và tiến trình sẽ tạm dừng hoạt động trong thời gian cao điểm:**

*Các yêu cầu khai thác báo cáo phù hợp tham số, đúng yêu cầu nghiệp vụ đã đệ trình trước thời điểm 07 giờ sáng vẫn được tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn*

*thành. Các yêu cầu sai tham số, không đúng yêu cầu nghiệp vụ, gây ảnh hưởng đến hiệu năng hệ thống sẽ bị ngắt tạm dừng thực hiện*

Đối với các đơn vị KBNN: đề nghị thực hiện khai thác các báo cáo cuối năm trên môi trường TABMIS-BC theo công văn số 5081/TABMIS-KTNN ngày 28/11/2016 về việc sử dụng môi trường báo cáo TABMIS phục vụ rà soát, đối chiếu số liệu 11 tháng, chuẩn bị công tác khóa sổ quyết toán năm 2016. Đồng thời, các đơn vị sử dụng chương trình khai thác số liệu (KTSLTAB-WEB) theo đúng hướng dẫn của KBNN đã gửi KBNN các tỉnh, thành phố tại Công văn số 2986/KBNN-CNTT ngày 17/11/2014 về việc hướng dẫn khai thác báo cáo trên bộ tiện ích KTSLTAB-WEB.

Đối với cơ quan Tài chính địa phương: đề nghị thực nhiệm đặt lịch chạy báo cáo vào ban đêm, thời gian cao điểm cuối năm sẽ tạm dừng hoạt động đối với tất cả các báo cáo tổng hợp (ký hiệu đầu B), thời gian tạm dừng từ 07 giờ sáng đến 1t giờ giờ chiều các ngày cao điểm, được kích hoạt chạy sau 17 giờ chiều hôm trước đến trước 07 giờ sáng ngày hôm sau.

#### **7. Công tác hỗ trợ:**

Trong quá trình vận hành hệ thống TABMIS2017 và TABMIS2018, nếu có vướng mắc phát sinh, các đơn vị gửi yêu cầu hỗ trợ đến địa chỉ email [hotrocntt@vst.gov.vn](mailto:hotrocntt@vst.gov.vn). Đồng thời, theo dõi thường xuyên các thông báo, chỉ đạo của KBNN trên cổng thông tin điện tử KBNN (portal), diễn đàn nghiệp vụ và email về việc hướng dẫn vận hành hệ thống TABMIS trong thời điểm cuối năm.







TT	Họ và tên	Vai trò	Nhiệm vụ	Điện thoại	Thư điện tử	Thời gian trực hỗ trợ Đợt I										Thời gian trực hỗ trợ Đợt II													
						12/2017						01/2018				01/2018						02/2018							
						25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02
<b>2.3. Hỗ trợ người dùng và xử lý trung tâm hệ thống TABMIS</b>																													
01	Dương Văn Tuấn	Phụ trách	Hỗ trợ người sử dụng hệ thống TABMIS và Xử lý trung tâm	0912725779	tuandv@vst.gov.vn	x		x	x	x		x	x		x	x		x	x		x	x		x	x	x	x		
02	Tạ Thị Thu Hà	Thành viên		0978649664	hattt@vst.gov.vn	x		x	x	x		x	x		x	x		x	x		x	x		x	x	x	x		
03	Nguyễn Văn Khoa	Thành viên		0906164488	khoanv01@vst.gov.vn	x		x	x	x		x	x		x	x		x	x		x	x		x	x	x	x		
04	Vũ Thị Hương Giang	Thành viên		0985695245	giangvth01@vst.gov.vn		x		x	x	x		x	x		x			x			x			x	x	x	x	
05	Hoàng Phương Thao	Thành viên		0977423291	Thaohp02@vst.gov.vn		x		x	x	x		x	x		x			x			x			x	x	x	x	
06	Đặng Minh Ngọc	Thành viên		0985146977	Ngocdm01@vst.gov.vn		x		x	x	x		x	x		x			x			x			x	x	x	x	
<b>2.4. Giám sát, quản trị vận hành TABMIS và các hệ thống Thanh toán</b>																													
01	Đỗ Quang Huy	Phụ trách	Hỗ trợ về kỹ thuật TABMIS, TCS, các hệ thống thanh toán và các giao diện với TABMIS	0904082948	huydq@vst.gov.vn	x		x		x	x	x	x	x		x			x						x	x	x		
02	Nguyễn Thị Hồng Yến	Thành viên		0936999595	yenth@vst.gov.vn					x	x	x	x		x				x			x					x	x	
03	Vũ Linh	Thành viên		0915326851	linhv@vst.gov.vn		x		x	x	x	x	x		x				x			x					x	x	x
04	Đặng Anh Dũng	Thành viên		0906480084	dungda01@vst.gov.vn	x		x		x	x	x	x		x				x			x					x	x	
05	Phuong	Thành viên		01689961163	phuongntm07@vst.gov.vn	x		x		x	x	x	x		x				x			x					x	x	
06	Trần Tuấn Anh	Thành viên		0983931954	anhth@vst.gov.vn			x		x	x	x		x					x			x					x	x	
07	Lê Viết Cường	Thành viên		0946119487	cuonglv07@vst.gov.vn	x	x		x		x	x	x		x				x			x					x	x	
08	Nguyễn Xuân Nam	Thành viên		0986297396	namnx@vst.gov.vn		x		x		x	x	x		x				x			x					x	x	
09	Đặng Việt Cường	Thành viên		0914539550	cuongdv@vst.gov.vn	x		x		x	x	x	x		x				x			x					x	x	
10	Nguyễn Thế Huynh	Thành viên		0904159958	huynhnt01@vst.gov.vn		x		x	x	x	x	x		x				x			x					x	x	
11	Lê Hải Hà	Thành viên		0916509891	halh@vst.gov.vn			x		x	x	x	x		x				x			x					x	x	
12	Trần Thị Oanh	Thành viên		0912595938	Oanhth02@vst.gov.vn		x		x	x	x	x		x					x			x					x	x	
13	Trần Ngọc Bích	Thành viên		0912768006	bichtm01@vst.gov.vn	x				x	x	x	x		x						x						x	x	
14	Phạm Thị Tú	Thành viên		0913034157	tupt02@vst.gov.vn		x	x		x	x	x	x		x					x			x				x	x	
15	Trần Thị Thúy	Thành viên		0977580505	thuytt@vst.gov.vn	x		x		x	x	x	x		x						x						x	x	
16	Nguyễn Thị Vân	Thành viên		0988357446	vannt06@vst.gov.vn		x			x	x	x	x		x						x						x	x	
<b>2.5. Hỗ trợ hệ thống thanh toán song phương, phần hệ thanh toán liên kho bạc, liên ngân hàng, thu ngân sách TCS</b>																													
01	Lê Quang Tôn	Phụ trách	Hỗ trợ người sử dụng	0989285398	tonlq@vst.gov.vn					x				x															
02	Phạm Quang Huy	Thành viên		0985152468	huypq@vst.gov.vn					x		x	x		x												x	x	
03	Nguyễn Kim Thắng	Thành viên		0914567895	thangk@vst.gov.vn		x		x		x	x	x		x												x	x	
04	Vũ Thị Thùy	Thành viên		0936695131	thuyvt09@vst.gov.vn			x		x		x	x		x												x	x	
05	Nguyễn Duy Long	Thành viên		0905608733	Longnd02@vst.gov.vn			x		x		x	x		x												x	x	
06	Đới Thùy Dung	Thành viên		0948323436	Dungdt09@vst.gov.vn		x		x		x	x	x		x												x	x	
07	Đinh Thị Ngọc Ánh	Phụ trách		0985276668	anhdt@vst.gov.vn		x		x		x	x	x		x												x	x	
08	Võ Thị Hiền	Thành viên		0915115599	Hienvt02@vst.gov.vn			x		x		x	x		x												x	x	
09	Vũ Tuấn Dũng	Thành viên		0912011924	dungvt@vst.gov.vn		x		x		x	x	x		x												x	x	
10	Lê Thị Lan Anh	Thành viên		0972919456	Anhltl02@vst.gov.vn			x		x		x	x		x												x	x	
11	Nguyễn Phương Hiền	Thành viên		0904160676	hiennp03@vst.gov.vn		x		x		x	x	x		x												x	x	
12	Đặng Thị Thanh Hiền	Thành viên		0912127919	hiendtt@vst.gov.vn			x		x		x	x		x												x	x	
13	Thái Huyền Trang	Thành viên		0912428440	Trangth02@vst.gov.vn		x		x		x	x	x		x												x	x	
14	Trần Quỳnh Trang	Thành viên		0912217348	trangtq01@vst.gov.vn				x		x	x	x		x												x	x	
15	Bùi Thị Phương Quỳnh	Thành viên		0936549466	Quynhbtp@vst.gov.vn		x		x		x	x	x		x												x	x	
16	Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên		0938412969	phuongntl05@vst.gov.vn				x		x	x	x		x												x	x	

TT	Họ và tên	Vai trò	Nhiệm vụ	Điện thoại	Thư điện tử	Thời gian trực hỗ trợ Đợt I										Thời gian trực hỗ trợ Đợt II													
						12/2017					01/2018					01/2018					02/2018								
						25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02
<b>2.6. Hỗ trợ hệ thống KTNB, QLTS, DVC, THBC-ĐTKB-LAN, ĐTKB-LAN, CBRR</b>																													
01	Phạm Thành Quang	Phụ trách	Hỗ trợ người sử dụng hệ thống	0913368883	quangpt@vst.gov.vn		x		x	x			x								x					x	x		
02	Phạm Thị Quyên	Thành viên		0915727909	quyenpt01@vst.gov.vn			x	x	x			x								x					x			
03	Nguyễn Thị Đào	Thành viên		01262185321	daont10@vst.gov.vn				x	x			x								x					x			
04	Trịnh Thanh Ngọc	Thành viên		0977625452	ngocct04@vst.gov.vn	x		x	x	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
05	Phạm Thị Ánh Nguyệt	Thành viên		0986068120	nguyetpta@vst.gov.vn		x		x	x	x		x		x		x		x		x		x		x		x		
<b>2.7. Hỗ trợ hạ tầng truyền thông các Bộ, ngành TW, cơ quan Tài chính địa phương, 03 Sở thuộc TP Hà Nội; hỗ trợ Hạ tầng kỹ thuật, DNS, DMDC, CDSL của Bộ; ngắt chuyển hệ thống TABMIS (</b>																													
01	Trần Văn Trình	Phụ trách	CDSL	0914315304	tranvantrinh@mof.gov.vn	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x			
02	Mai Vinh Hoàng	Thành viên	HTKT DNS	0983837117	maivinhhoang@mof.gov.vn	x	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x		
03	Vương Gia Thiết	Thành viên	HTKT DNS	0975588036	vuonggiathiet@mof.gov.vn	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x			
04	Nguyễn Việt Minh	Thành viên	HTKT	0949362126	nguyenvietminh@mof.gov.vn	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x			
05	Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	HTKT	0972001249	nguyenvietdung@mof.gov.vn		x	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x		x		
06	Trần Anh Thư	Thành viên	DNS, CDSL	0904166160	trananhthu@mof.gov.vn	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x			
07	Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên	DNS	0988550648	nguyenhoanghai@mof.gov.vn		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
08	Vũ Huy Cường	Thành viên	HTTT, CDSL	0915638133	vuhuycuong@mof.gov.vn	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x			
09	Nguyễn Đình Thắng	Thành viên	HTTT	0974429448	nguyendinhthang@mof.gov.vn		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
10	Nguyễn Minh Tùng	Thành viên	CDSL	0912344133	nguyenminhtung@mof.gov.vn		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
11	Chu Ngọc Điệp	Thành viên	DMDC	0988982368	chungocdiep@mof.gov.vn	x			x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
12	Trần Thượng Dương	Thành viên		0985520085	tranthuongduong@mof.gov.vn		x			x		x		x		x		x		x		x		x		x			
13	Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên		0986891020	phamthithuhoai@mof.gov.vn			x			x		x		x		x		x		x		x		x		x		
<b>2.8 Hỗ trợ chuyển đổi môi trường dự phòng TABMIS (khi cần thiết)</b>																													
01	Phạm Quang Huy	Phụ trách	Mạng, HTTT, Firewall  Cơ sở dữ liệu  Unix, SAN, Tape, AD, DNS	0985152468	huyppq@vst.gov.vn				x		x	x			x											x		x	
02	Phạm Huy Sơn	Thành viên		0983888980	sonph@vst.gov.vn			x		x		x	x			x											x		
03	Dương Đức Cường	Thành viên		0978450482	cuongdd02@vst.gov.vn		x		x	x	x		x		x							x		x		x		x	
04	Vũ Tuấn Trung	Thành viên		0986457986	trungvt@vst.gov.vn	x		x		x		x	x		x							x		x		x		x	
05	Phạm Thị Oanh	Thành viên		0948964868	oanhpt01@vst.gov.vn		x		x	x	x		x		x							x		x		x		x	
06	Nguyễn Thị Luyến	Thành viên		0974470710	luyennt04@vst.gov.vn	x		x		x		x		x												x		x	
07	Phạm Hải Thái	Thành viên		0913515131	thaihp@vst.gov.vn		x		x	x	x		x		x												x		
08	Nguyễn Văn Tuyền	Thành viên		0948161239	Tuyennv04@vst.gov.vn			x		x		x	x		x												x		x
09	Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên		0902244848	Hanhnt07@vst.gov.vn			x		x		x	x		x												x		x
10	Cao Thị Xuyên	Thành viên		0983540929	Xuyenct@vst.gov.vn			x		x		x	x		x												x		x
11	Hoàng Thị Mai Dung	Thành viên		0912808009	Dunghtm@vst.gov.vn			x		x	x	x		x		x											x		
12	Nguyễn Công Minh	Thành viên		0976515459	minhnc@vst.gov.vn			x		x	x	x		x		x											x		x
13	Phạm Việt Phan	Thành viên		0913383606	phanpv@vst.gov.vn	x		x		x		x	x		x												x		x
14	Lê Xuân Biên	Thành viên		0934297288	bienlx01@vst.gov.vn			x		x	x	x		x		x											x		x
15	Đỗ Trọng Minh Hoàng	Thành viên		0962858089	Hoangdtm01@vst.gov.vn	x		x		x		x	x		x												x		
16	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Thành viên		0983112638	tuntc04@vst.gov.vn	x		x		x		x	x		x												x		x
17	Đào Đức Cường	Thành viên		0912634300	cuongdd@vst.gov.vn			x		x	x	x		x		x											x		x
18	Bùi Thị Thu Hương	Thành viên		0914030987	huongbtt02@vst.gov.vn	x		x		x		x	x		x												x		x
19	Bùi Thị Tố Trang	Thành viên		0982962019	trangbtt@vst.gov.vn			x		x	x	x		x		x											x		x
20	Đỗ Quang Huy	Thành viên		Ứng dụng và giao diện	0904082948	huydq@vst.gov.vn				x		x	x		x												x		
21	Vũ Linh	Thành viên		0915326851	linhv@vst.gov.vn			x		x		x	x		x												x		

TT	Họ và tên	Vai trò	Nhiệm vụ	Điện thoại	Thư điện tử	Thời gian trực hỗ trợ Đợt I										Thời gian trực hỗ trợ Đợt II											
						12/2017						01/2018				01/2018							02/2018				
						25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
22	Đặng Anh Dũng	Thành viên		0906480084	dungda01@vst.gov.vn				x		x	x	x		x		x										
23	Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên		01689961163	phuongntm07@vst.gov.vn				x		x	x		x					x		x		x		x		
24	Trần Tuấn Anh	Thành viên	Ứng dụng và giao diện	0983931954	anhntt@vst.gov.vn			x		x	x	x		x		x			x		x		x				
25	Lê Viết Cương	Thành viên		0946119487	cuonglv07@vst.gov.vn			x		x	x	x				x								x			
26	Nguyễn Xuân Nam	Thành viên		0986297396	namnx@vst.gov.vn			x		x	x		x			x						x		x			
27	Đặng Việt Cường	Thành viên		0914539550	cuongdv@vst.gov.vn				x		x	x		x	x		x					x			x		
28	Nguyễn Thế Huỳnh	Thành viên		0904159958	huynhnt01@vst.gov.vn			x		x		x	x								x		x		x		
29	Lê Hải Hà	Thành viên		0916509891	halh@vst.gov.vn				x		x	x			x						x		x		x		
30	Trần Thị Oanh	Thành viên		0912595938	Oanhntt02@vst.gov.vn			x		x		x					x	x			x		x				
31	Dương Văn Tuấn	Thành viên	Kiểm thử	0912725779	tuandv@vst.gov.vn	x		x	x	x		x	x		x		x		x		x	x	x	x	x		
32	Nguyễn Văn Khoa	Thành viên		0906164488	khoanv01@vst.gov.vn	x		x	x	x		x	x		x		x		x		x	x	x	x	x		
33	Nguyễn Duy Long	Thành viên		0905608733	Longnd02@vst.gov.vn			x	x	x		x			x		x				x		x				
34	Nguyễn Anh Vinh	Thành viên	Hạ tầng thiết bị	0989318915	vinhna@vst.gov.vn			x				x						x			x						
35	Phạm Quang Hiếu	Thành viên		0915342309	hieupq@vst.gov.vn						x				x						x						
<b>2.9. Hỗ trợ đảm bảo kỹ thuật</b>																											
01	Trịnh Văn Quang	Phụ trách		0913393941	quangtv@vst.gov.vn	x							x														
02	Nguyễn Anh Vinh	Thành viên		0989318915	vinhna@vst.gov.vn			x				x											x				
03	Hoàng Thăng Long	Thành viên		0904196276	longht@vst.gov.vn				x																		
04	Đỗ Quang Nam	Thành viên		0914989484	namdq@vst.gov.vn					x				x													
05	Phạm Ngọc Viễn	Thành viên	Hỗ trợ đảm bảo kỹ thuật	0986662145	vienpn@vst.gov.vn					x				x								x			x		
06	Phạm Quang Hiếu	Thành viên		0915342309	hieupq@vst.gov.vn						x												x				
07	Nguyễn Sơn Tùng	Thành viên		0904606055	tungns01@vst.gov.vn											x							x		x		
08	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên		0943145050	tuanna01@vst.gov.vn						x						x						x				
<b>2.10. Hỗ trợ an toàn bảo mật thông tin</b>																											
01	Nguyễn Chiến Thắng	Phụ trách		0913079539	thangnc@vst.gov.vn					x															x		





**Phụ lục 05**

**DANH MỤC BÁO CÁO KẾ TOÁN NĂM 2017**

*(Kèm theo Công văn số 17676/BTC-KBNN ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

<b>STT</b>	<b>Tên báo cáo</b>	<b>Thời hạn lập và gửi báo cáo</b>
1	Báo cáo các khoản phải thu theo quyết định của cấp có thẩm quyền (số dư đến hết ngày 31/12/2017) (theo phụ lục số 2 kèm theo công văn số 5725/KBNN-KTNN ngày 30/11/2017);	10/4/2017
2	Báo cáo chi tiết tình hình ghi thu, ghi chi từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi năm 2017 (đến hết ngày 28/02/2018) (theo phụ lục số 3 kèm theo công văn số 5725/KBNN-KTNN ngày 30/11/2017);	10/4/2017
3	Báo cáo tình hình hoàn thuế GTGT và thuế GTGT hoàn trả thừa năm 2017 (theo phụ lục số III, ban hành kèm theo công văn số 4696/KBNN-KTNN Ngày 29/29/2017 của KBNN)	10/4/2017